

Số: 1909/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Trữ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an các huyện,
thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2537/UBND-KT ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Trữ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 523/TTr-STNMT ngày 14/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trữ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La” (sau đây gọi là Dự án) của Công an tỉnh Sơn La (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Sông Mã, Yên Châu, Vân Hồ, Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Bắc Yên, Phù Yên, Mường La, Sốp Cộp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La (để công bố);
- Lưu: VT, HS – Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN THUỘC CÔNG AN CÁC HUYỆN,
THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Chủ dự án: Công an tỉnh Sơn La.

- Địa chỉ liên hệ: Số 678, đường Lê Duẩn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La..

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi

Thực hiện tại 75 xã thuộc 10 huyện của tỉnh Sơn La, gồm: Sông Mã, Yên Châu, Vân Hồ, Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Bắc Yên, Phù Yên, Mường La, Sốp Cộp, với vị trí xây dựng cụ thể như sau:

STT	Tên trụ sở	Địa điểm xây dựng
I. Huyện Sông Mã		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã	Bản Cánh Kiến, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã
2	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã	Bản Luẩn, xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã
3	Trụ sở làm việc Công an xã Yên Hưng, huyện Sông Mã	Bản Pá, xã Yên Hưng, huyện Sông Mã
4	Trụ sở làm việc Công an xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã	Bản Nộc Cốc 2, xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã
5	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng En, huyện Sông Mã	Bản Lung, xã Chiềng En, huyện Sông Mã
6	Trụ sở làm việc Công an xã Pú Bấu, huyện Sông Mã	Bản Pá Ca, xã Pú Bấu, huyện Sông Mã
7	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Ty, huyện Sông Mã	Bản Pàn, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã
8	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã	Bản Lướt, xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã
9	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Mẩn, huyện Sông Mã	Bản Nậm Mẩn, xã Nậm Mẩn, huyện Sông Mã

10	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã	Bản Chiềng Cang, xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã
11	Trụ sở làm việc Công an xã Huổi Một, huyện Sông Mã	Bản Bằng Vúng, xã Huổi Một, huyện Sông Mã
12	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã	Bản Chiềng Vàng, xã Chiềng Phung, huyện Sông Mã
II. Huyện Vân Hồ		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Bản Nà Chá, xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ
2	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ	Bản Suối Quanh, xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ
3	Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ
4	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ	Bản Phà Lè, xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ
5	Trụ sở làm việc Công an xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ	Bản Khoang Tuồng, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ
6	Trụ sở làm việc Công an xã Tô Múa, huyện Vân Hồ	Bản Pàn Ngùa, xã Tô Múa, huyện Vân Hồ
7	Trụ sở làm việc Công an xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	Bản Bó, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ
8	Trụ sở làm việc Công an xã Song Khủa, huyện Vân Hồ	Trung Tâm xã Song Khủa, huyện Vân Hồ
III. Huyện Yên Châu		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Bản Luông Mé, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu
2	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Khuôn viên UBND Xã Mường Lựm, huyện Yên Châu
3	Trụ sở làm việc Công an xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Bản Chiềng Hưng, Xã Yên Sơn, huyện Yên Châu
4	Trụ sở làm việc Công an xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Bản Mệt Sai, Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu
IV. Huyện Mai Sơn		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn	Bản Mòn 2, xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn
2	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn	Bản Nhụng Dưới, xã Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn
3	Trụ sở làm việc Công an xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn	Bản Noong Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn
4	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn	Bản Lon Kéo, xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn
5	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn	Bản Bằng Thịnh, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn

6	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Bon, huyện Mai Sơn	Bản Mé, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn
7	Trụ sở làm việc Công an xã Nà Bó, huyện Mai Sơn	Tiểu khu 8, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn
8	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn	Bản Phường, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn
9	Trụ sở làm việc Công an xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	Khuôn viên UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn (<i>bản Yên Tiến</i>)

V. Huyện Thuận Châu

1	Trụ sở làm việc Công an xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu	Bản Sen To, xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu
2	Trụ sở làm việc Công an xã Bản Lầm, huyện Thuận Châu	Bản Hiềm, xã Bản Lầm, huyện Thuận Châu
3	Trụ sở làm việc Công an xã Phổng Lãng, huyện Thuận Châu	Khuôn viên UBND xã Phổng Lãng, huyện Thuận Châu (<i>bản Thái Cống</i>)
4	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu	Bản Ngà Phát, xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu
5	Trụ sở làm việc Công an xã Nong Lay, huyện Thuận Châu	Bản Huổi Lọng, xã Nong Lay, huyện Thuận Châu
6	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Bám, huyện Thuận Châu	Bản Nà Hát, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu
7	Trụ sở làm việc Công an xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu	Trung tâm xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu
8	Trụ sở làm việc Công an xã Phổng Lập, huyện Thuận Châu	Bản Lập, xã Phổng Lập, huyện Thuận Châu
9	Trụ sở làm việc Công an xã Mường É, huyện Thuận Châu	Bản Phát Chập, xã Mường É, huyện Thuận Châu
10	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu	Bản Tăng, xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu
11	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu	Bản Mện, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu

VI. Huyện Bắc Yên

1	Trụ sở làm việc Công an xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên	Bản Pu Nhi, xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên
2	Trụ sở làm việc Công an xã Hồng Ngải, huyện Bắc Yên	Bản Hồng Ngải, xã Hồng Ngải, huyện Bắc Yên
3	Trụ sở làm việc Công an xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	Trung tâm xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên
4	Trụ sở làm việc Công an xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên	Bản Tân Tiến, xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên
5	Trụ sở làm việc Công an xã Háng Đồng, huyện Bắc Yên	Bản Háng Đồng, xã Háng Đồng, huyện Bắc Yên

6	Trụ sở làm việc Công an xã Làng Chếu, huyện Bắc Yên	Bản Chang Dua Hang, xã Làng Chếu, huyện Bắc Yên
7	Trụ sở làm việc Công an xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên	Xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên
8	Trụ sở làm việc Công an xã Xím Vàng, huyện Bắc Yên	Xã Xím Vàng, huyện Bắc Yên
9	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên	Xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên
10	Trụ sở làm việc Công an xã Hang Chú, huyện Bắc Yên	Bản Hang Chú, xã Hang Chú, huyện Bắc Yên
11	Trụ sở làm việc Công an xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên	Xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên

VII. Huyện Mường La

1	Trụ sở làm việc Công an xã Pi Toong, huyện Mường La	Bản Nong Pi, xã Pi Toong, huyện Mường La
2	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Păm, huyện Mường La	Bản Hóc, xã Nậm Păm, huyện Mường La
3	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Hoa, huyện Mường La	Bản Tả, xã Chiềng Hoa, huyện Mường La
4	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng San, huyện Mường La	Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La
5	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Bú, huyện Mường La	Bản Giàn, xã Mường Bú, huyện Mường La
6	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Chùm, huyện Mường La	Bản Mường Kham, xã Mường Chùm, huyện Mường La

VIII. Huyện Phù Yên

1	Trụ sở làm việc Công an xã Huy Thượng, huyện Phù Yên	Bản Úm, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên
2	Trụ sở làm việc Công an xã Huy Tân, huyện Phù Yên	Bản Puôi 2, xã Huy Tân, huyện Phù Yên
3	Trụ sở làm việc Công an xã Tường Phù, huyện Phù Yên	Trung tâm xã Tường Phù, huyện Phù Yên
4	Trụ sở làm việc Công an xã Tường Hạ, huyện Phù Yên	Bản Cóc 2, xã Tường Hạ, huyện Phù Yên
5	Trụ sở làm việc Công an xã Huy Tường, huyện Phù Yên	Xã Huy Tường, huyện Phù Yên
6	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Lang, huyện Phù Yên	Xã Mường Lang, huyện Phù Yên
7	Trụ sở làm việc Công an xã Sập Xa, huyện Phù Yên	Bản Xa, xã Sập Xa, huyện Phù Yên
8	Trụ sở làm việc Công an xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên	Bản Bãi Vàng A, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên

IX. Huyện Quỳnh Nhai		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Bản Cà Nàng, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai
2	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai	Bản Quyền, Xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai
3	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai	Bản Búa Bon, xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai
4	Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Ôn, huyện Quỳnh Nhai	Bản Đán Đăm, xã Chiềng Ôn, huyện Quỳnh Nhai
X. Huyện Sốp Cộp		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Sam Kha, huyện Sốp Cộp	Bản Púng Bánh, xã Sam Kha, huyện Sốp Cộp
2	Trụ sở làm việc Công an xã Púng Bánh, huyện Sốp Cộp	Bản Kéo Hin, xã Púng Bánh, huyện Sốp Cộp

1.2.2. Quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích chiếm dụng đất của Dự án là 103.050,55 m² (10,3 ha).

- Đầu tư xây dựng 75 trụ sở Công an xã, thị trấn trên địa bàn 10 huyện của tỉnh Sơn La. Quy mô xây dựng 01 trụ sở gồm: Nhà làm việc chính với diện tích khoảng 264 m² sàn (02 tầng) và các hạng mục phụ trợ (Nhà gara để xe, sân đường nội bộ, cổng, tường rào và một số hạng mục phụ trợ khác). Tổng diện tích của 1 trụ sở giao động khoảng 800 m² – 3.000 m².

- Mua sắm thiết bị cho 197 đơn vị Công an xã, thị trấn trên địa bàn 12 huyện, thành phố của tỉnh Sơn La không phát sinh các tác động môi trường do đó không nằm trong phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình

- San nền cải tạo mặt bằng đảm bảo thuận tiện khi tiếp cận công trình, tuy nhiên một số ít công trình có mặt bằng thuận lợi, địa hình bằng phẳng không cần phải tiến hành công tác san nền.

- Nhà làm việc 2 tầng kết hợp chỗ ngủ và bếp ăn cho cán bộ chiến sĩ: thiết kế 2 tầng khung bê tông cốt thép với tổng diện tích sàn $S = 264 \text{ m}^2$, diện tích xây dựng $S_{\text{xd}} = 138 \text{ m}^2$ (mẫu nhà được áp dụng đồng bộ cho toàn bộ các trụ sở làm việc Công an xã thuộc khuôn khổ dự án).

- Nhà ga ra để xe 2 bánh: Thiết kế 3 gian khung thép diện tích $S = 36 \text{ m}^2$ (áp dụng cho toàn bộ các trụ sở làm việc Công an xã thuộc khuôn khổ dự án).

- Cổng chính: Được thiết kế xây gạch có lõi bê tông cốt thép gia cường, chiều

rộng công tính theo tim trụ công là 6m (*mẫu công áp dụng cho toàn bộ các trụ sở làm việc Công an xã thuộc khuôn khổ dự án*).

- Tường rào; sân, đường nội bộ, kè chắn đất; các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.

1.3.2. Các hoạt động dự án đầu tư

- Hoạt động san ủi giải phóng mặt bằng, thu dọn các hạng mục công trình trong phạm vi khu vực thực hiện Dự án.

- Hoạt động thi công xây dựng; vận chuyển nguyên vật liệu và đất đá thải đến các vị trí đổ thải của Dự án.

- Hoạt động sử dụng trụ sở sau khi hoàn thành xây dựng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án chiếm dụng 8.898,4 m² đất ruộng lúa 02 vụ, đất lúa 01 vụ (*trong đó toàn bộ diện tích đất lúa và đất rừng đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: số 103/NQ-HĐND ngày 13/7/2022; số 130/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 và số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2022*).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá loại, phế thải phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có nguy cơ gây tác động đến môi trường, ảnh hưởng đến mỹ quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động của trụ sở trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải của phương tiện đi lại; nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của cán bộ tại trụ sở.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ 75 công trình là 135m³/ngày, trong đó mỗi trụ sở phát sinh 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Phát sinh từ hoạt động xây dựng công trình, rửa dụng

cụ, máy móc, bảo dưỡng công trình, nước thải từ máy trộn xi măng với lưu lượng khoảng $0,24-1,2\text{m}^3/\text{ngày}/\text{công trình}$. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), văng dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn: Tổng nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng $760,6\text{m}^3/\text{ngày}$ (trong đó mỗi công trình (trụ sở) phát sinh từ $5,1- 20,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$); Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và dầu mỡ.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại 75 trụ sở là $67,5\text{m}^3/\text{ngày}$, trong đó mỗi trụ sở phát sinh $0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước mưa chảy tràn: Tổng lượng phát sinh khoảng $2.598,6\text{m}^3/\text{ngày}$ (trong đó mỗi công trình (trụ sở) phát sinh từ $17,5- 72,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$). Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và dầu mỡ.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và đất, đá thải; hoạt động bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu khi xây dựng; hoạt động đào đắp, san nền trên toàn bộ tuyến đường; hoạt động của các thiết bị máy móc thi công; hoạt động thi công đổ bê tông, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, khí SO_2 , NO_x , CO, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh:

+ Từ hoạt động của các phương tiện đến làm việc tại trụ sở.

+ Từ hoạt động nấu ăn của các cán bộ, chiến sĩ.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, khí SO_2 , NO_x , CO,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải sinh hoạt: Tổng khối lượng chất thải sinh hoạt tại 75 trụ sở là $675\text{kg}/\text{ngày}$ (trong đó mỗi công trường phát sinh khối lượng khoảng $9\text{kg}/\text{ngày}$, thành phần chủ yếu gồm các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...).

- Chất thải rắn xây dựng: Tổng khối lượng đất đá thải phát sinh khoảng $73.705,8\text{m}^3$, trong đó khối lượng phát sinh cụ thể của từng công trình như sau:

STT	Địa điểm thực hiện dự án	Khối lượng còn thừa (m ³)
I. Huyện Sông Mã (12 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Nà Nghịu	665,9
2	Trụ sở Công an xã Chiềng Sơ	
3	Trụ sở Công an xã Yên Hưng	1.144,53
4	Trụ sở Công an xã Đưa Mòn	
5	Trụ sở Công an xã Chiềng En	304,11
6	Trụ sở Công an xã Pú Bầu	
7	Trụ sở Công an xã Nậm Ty	
8	Trụ sở Công an xã Chiềng Khoong	1.141,02
9	Trụ sở Công an xã Nậm Mẩn	
10	Trụ sở Công an xã Chiềng Cang	360
11	Trụ sở Công an xã Huổi Một	
12	Trụ sở Công an xã Chiềng Phung	2.475,10
II. Huyện Yên Châu (04 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Chiềng Đông	1608,58
2	Trụ sở Công an xã Mường Lựm	
3	Trụ sở Công an xã Yên Sơn	1.586,38
4	Trụ sở Công an xã Sấp Vạt	1.529,70
III. Huyện Vân Hồ (08 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Chiềng Xuân	847,28
2	Trụ sở Công an xã Xuân Nha	674,59
3	Trụ sở Công an xã Chiềng Yên	
4	Trụ sở Công an xã Suối Bàng	537,44
5	Trụ sở Công an xã Quang Minh	415,03
6	Trụ sở Công an xã Chiềng Khoa	75,8
7	Trụ sở Công an xã Tô Múa	
8	Trụ sở Công an xã Song Khủa	185,46
IV. Huyện Mai Sơn (09 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Chiềng Nọi	
2	Trụ sở Công an xã Phiêng Cầm	
3	Trụ sở Công an xã Chiềng Kheo	
4	Trụ sở Công an xã Mường Bằng	359,44

5	Trụ sở Công an xã Mường Bon	
6	Trụ sở Công an xã Chiềng Lương	848,71
7	Trụ sở Công an xã Chiềng Chăn	
8	Trụ sở Công an xã Hát Lót	
9	Trụ sở Công an xã Nà Bó	
V. Huyện Thuận Châu (11 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Phổng Lãng	
2	Trụ sở Công an xã Nong Lay	
3	Trụ sở Công an xã Mường Bám	1.418,39
4	Trụ sở Công an xã Long Hẹ	1.408,69
5	Trụ sở Công an xã Chiềng Pha	65,44
6	Trụ sở Công an xã Phổng Lập	
7	Trụ sở Công an xã Mường É	
8	Trụ sở Công an xã Tông Cọ	
9	Trụ sở Công an xã Bản Lầm	
10	Trụ sở Công an xã Nậm Lầu	256,02
11	Trụ sở Công an xã Chiềng Ngâm	2.122,93
VI. Huyện Quỳnh Nhai (04 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Mường Sại	241,26
2	Trụ sở Công an xã Chiềng Ôn	
3	Trụ sở Công an xã Cà Nàng	431,34
4	Trụ sở Công an xã Mường Chiên	1.145,58
VII. Huyện Bắc Yên (11 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Phiêng Ban	
2	Trụ sở Công an xã Hồng Ngài	121,376
3	Trụ sở Công An xã Hua Nhàn	
4	Trụ sở Công an xã Tạ Khoa	
5	Trụ sở Công an xã Háng Đồng	4.046,47
6	Trụ sở Công an xã Làng Chếu	
7	Trụ sở Công an xã Xím Vàng	3.140,19
8	Trụ sở Công an xã Mường Khoa	
9	Trụ sở Công an xã Hang Chú	1.362,55
10	Trụ sở Công an xã Pắc Ngà	
11	Trụ sở Công an xã Chim Vàn	6.830,52

VIII. Huyện Phù Yên (08 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Huy Thượng	
2	Trụ sở Công an xã Huy Tân	300
3	Trụ sở Công an xã Tường Phù	
4	Trụ sở Công an xã Tường Hạ	
5	Trụ sở Công an xã Mường Lang	
6	Trụ sở Công an xã Sập Xa	1.087,22
7	Trụ sở Công an xã Đá Đỏ	2.314,80
8	Trụ sở Công an xã Huy Tường	225
IX. Huyện Mường La (06 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Pi Toong	
2	Trụ sở Công an xã Nậm Păm	
3	Trụ sở Công an xã Chiềng Hoa	206,23
4	Trụ sở Công an xã Chiềng San	
5	Trụ sở Công an xã Mường Bú	1.744,10
6	Trụ sở Công an xã Mường Chùm	
X. Huyện Sốp Cộp (02 trụ sở)		
1	Trụ sở Công an xã Sam Kha	
2	Trụ sở Công an xã Púng Bính	478,65

- Chất thải rắn nguy hại: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công; từ khu vực làm việc của công nhân. Tổng khối lượng phát sinh khoảng 675-830kg/ tháng. Thành phần gồm gang tay, giẻ lau, dầu thải,... với tổng khối lượng của 75 trụ sở khoảng 450kg/tháng; Bóng đèn neon hỏng, pin, ắc quy, chổi quét sơn, thùng đựng sơn, dầu mẫu que hàn... phát sinh tại 75 công trường khoảng 225 - 375kg/tháng.

b) Giai đoạn hoạt động: Phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật của như quạt điện, máy điều hòa,... Tổng khối lượng phát sinh khoảng 150 - 375kg/năm, tương đương mỗi trụ sở phát sinh khoảng 2-5kg/năm. Thành phần gồm: Mực in, hộp mực in, chất màu, mực quá hạn sử dụng, ruột viết dính mực...từ văn phòng; bóng đèn huỳnh quang hết công năng sử dụng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động vận chuyển đất đá thải đến địa điểm đổ thải.

- Quy chuẩn áp dụng: 

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

Hoạt động di chuyển của các phương tiện trong khu vực trụ sở nhưng không đáng kể.

3.4. Các tác động khác

- Tác động do thu hồi, chiếm dụng đất nông nghiệp; việc di dân; tác động đến đối tượng xung quanh (*trạm xá, trường học, trung tâm xã, nhà văn hoá, khu dân cư sinh sống tại khu vực dự án*); tác động tới giao thông của khu vực; tác động đến chất lượng nước mặt các tuyến suối qua khu vực dự án và người dân sinh sống tại khu vực; tác động đến việc tiêu thoát nước khu vực, nguy cơ gây úng, ngập cục bộ; đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng, tác động đến yếu tố kinh tế - xã hội,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông trong quá trình thi công; sự cố sụt lún công trình; sự cố cháy nổ, chập điện cháy nổ; sự cố do điều kiện khí hậu,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Tại mỗi công trường thì dự án sẽ bố trí 01 nhà vệ sinh di động 01 buồng tại khu phụ trợ để thu gom và xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B ($K=1,2$) trước khi xả ra khe, ao hồ nhỏ cạnh khu vực dự án. Đồng thời xây dựng 01 bể lắng 2 ngăn (*kích thước 2x1x1m*) tại khu phụ trợ để thu gom, xử lý nước thải từ quá trình rửa chân tay, ăn uống, vệ sinh bát đĩa,...

- Nước thải xây dựng: Tại mỗi trụ sở xây dựng 01 bể lắng sơ bộ (*kích thước 2,5x2x1m*) tại cổng ra vào của các công trường có phát sinh nước thải rửa xe để thu gom, xử lý. Quy trình xử lý: Nước thải xây dựng → bể lắng sơ bộ → thải ra môi trường. Đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) trước khi xả ra khe, ao hồ nhỏ cạnh tuyến đi qua.

- Nước mưa chảy tràn.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Tại mỗi trụ sở sẽ được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn có kích thước 2x2x1.5m tại khu vệ sinh của các trụ sở. Nước thải sinh hoạt được xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra

môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Được thu qua ống đứng D90 xuống sân và chảy vào hệ thống thoát nước ngoài nhà. Hệ thống thoát nước ngoài nhà thu gom toàn bộ nước thải trong công trình, nước mưa trên mái, nước mưa trên mặt bằng sân vườn qua các ga thu sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Đối với xử lý khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Phun nước tưới ẩm vào các khu vực đào đất và tuyến đường vận chuyển. Tần suất 3 lần/ngày đối với những ngày hanh khô (10h - 11h, 14h, 16h) và 1 lần/ngày đối với ngày mát mẻ.

- Khai thác đất, đào đắp, san gạt dứt điểm từng hạng mục, thực hiện tốt việc quản lý công tác xây dựng và giám sát công trường. Tiến hành san ủi đất đắp, đầm nén ngay khi được tập kết xuống mặt bằng để giảm tối đa sự khuếch tán vật liệu san nền do tác dụng của gió.

- Các ô tô vận tải phải thực hiện đúng các quy định giao thông chung: có bạt che phủ, không làm rơi vãi đất đá, vật liệu thải bỏ để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường; không được chở quá tải trọng cho phép đối với từng loại xe và với tính chất cơ lý của nền đường để đảm bảo an toàn nền đường và tốc độ lưu thông phương tiện, nhu cầu đi lại của người dân khu vực.

- Vào những ngày mưa, xe vận chuyển được làm sạch lớp ô tô bằng thủ công như nạo vét, quét, bơm nước rửa lớp xe; lập barie kiểm soát xe ra vào công trình đảm bảo vệ sinh; đăng ký kiểm soát quản lý biển số xe vận chuyển đất, phế thải, vật liệu xây dựng.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ số áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn hoạt động

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án để hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp, môi trường vi khí hậu trong lành.

- Thu gom triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ điểm chứa rác thải của dự án để thuê vận chuyển đi xử lý và phòng ngừa khả năng phân huỷ hữu cơ phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hệ số áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 2 thùng dung tích 120 lít/công trường tại các khu vực lán trại công nhân để thu gom, lưu giữ. Đối với các loại rác không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý hoặc đem chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn xây dựng: Thu gom và vận chuyển đổ thải tại các bãi thải đã được thỏa thuận. Đối với các công trình có khối lượng đất đá thải phát sinh dưới 200m³ (04 công trình) sẽ được lưu giữ tại công trình để tận dụng vun trồng cây xanh cho khuôn viên các trụ sở. Đối với công trình phát sinh thải rắn trên 200m³ (34 công trình) bố trí 31 bãi chứa đất đá thải xây dựng, cụ thể:

STT	Vị trí bãi thải	Tọa độ theo VN2000		Diện tích (m ²)	Trữ lượng dự kiến (m ³)	Ghi chú
		X	Y			
I	Huyện Sông Mã					
1	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Nà Nghịu	2331974,632	471544,943	3.151	4.656	Bãi thải thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Hữu, cách vị trí xây dựng khoảng 50m.
2	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chiềng Khoong	2324363,72	478980,13	976	2.576,04	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ khoảng 1,7km do UBND xã quản lý.
		2324351,85	478974,29			
		2324340,61	478959,28			
		2324355,48	478934,08			
		2324371,18	478943,34			
		2324374,44	478956,16			
		2324373,25	478966,78			
3	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Yên Hưng	2324360,359	458030,93	386	1.147,16	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở 1,6km, thuộc quyền quản lý UBND xã Yên Hưng.
		2340760,79	458028,72			
		2340763,89	458012,92			
		2340776,00	458007,12			
		2340783,17	458015,05			
4	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chiềng Phung	2352637,01	459728,64	1.312	2.488,33	Cách vị trí xây dựng trụ khoảng 300m. Thuộc quyền sử dụng của Hộ gia đình ông
		2352637,36	459746,58			
		2352625,9	459763,37			

		2352615,03	459769,78			Lường Văn Tài
		2352608,62	459765,96			
		2352591,1	459741,4			
		2352610,99	459726,98			
5	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chiềng En	2344312.229	449799.869	180	520	Bãi thải cách vị trí xây dựng khoảng 300m
6	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chiềng Cang	2317105.206	487043.838	210	450	Bãi thải cách vị trí xây dựng khoảng 300m, thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Lưu Văn Công
II	Huyện Yên Châu					
7	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chiềng Đông	2334655,85	523680,66	777	1.720	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở khoảng 1km, thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Quảng Văn Hợp
		2334656,7	523697,25			
		2334612,65	523696,37			
		2334627,21	523674,7			
		2334641,8	523673,64			
8	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Yên Sơn	2328967,27	520573,38	697	1.717,89	Bãi thải nằm đối diện vị trí xây dựng trụ sở, thuộc quyền sử dụng hộ gia đình ông Nguyễn Văn Mẫn
		2328958,33	520551,31			
		2328985,47	520540,32			
		2328994,41	520562,39			
9	Bãi thải tại Trụ sở Công an xã Sập Vạt	2327976.066	535970.840	300	730	Bãi thải thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Quảng Văn Dung, cách vị trí xây dựng trụ sở khoảng 2Km.
III	Huyện Vân Hồ					
10	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chiềng Xuân	2293449,84	570402,9	891	1.263,51	Thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Dân
		2293425,5	570384,17			
		2293444,75	570358,73			
		2293464,51	570373,68			
11	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Xuân Nha	2290893,21	581554,09	324	696,2	Bãi đổ thải cách vị trí xây dựng khoảng cách 300 m. Thuộc quyền quản lý của UBND xã
		2290884,13	581562,37			
		2290877,1	581558,57			
		2290867,27	581547,12			
		2290877,97	581537,37			

12	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Suối Bàng	2322951,53	584744,59	1.221	1.072,69	Bãi đổ thải hiện trạng là đất 5% do UBND xã quản lý
		2322897,88	584777,22			
		2322887,73	584760,54			
		2322940,93	584728,17			
13	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Quang Minh	2310321,26	598628,03	600	1.200	Bãi đổ thải là khu đất trạm y tế xã cũ
IV	Huyện Mai Sơn					
14	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Mường Bàng	2353076,86	503538,73	873	767,61	Do UBND xã quản lý, cách khu vực xây dựng dự án 20m.
		2353059,75	503564,25			
		2353036,71	503544,05			
		2353051,62	503521,81			
15	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chiềng Lương	2333730,33	510361,53	2.559	6.402,64	Bãi đổ thải cách khu đất xây dựng khoảng 2,5km. Đất thuộc quyền quản lý của UBND xã
		2333698,54	510376,18			
		2333667,93	510309,76			
		2333699,72	510295,11			
V	Huyện Thuận Châu					
16	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Mường Bám	2366930,37	437449,25	1.281	2.000,5	Bãi đổ thải cách khu đất xây dựng dự án khoảng 1,5 km. Đất thuộc quyền sử dụng của hộ dân bà Quảng Thị Oản
		2366939,98	437427,52			
		2366943,19	437396,93			
		2366968,4	437403,24			
		2366955,3	437455,57			
17	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Long Hẹ	2367813,03	448455,9	434	1409,13	Bãi thải cách vị trí xây dựng 300m. Thuộc quyền sử dụng của hộ dân ông Thảo A Hờ.
		2367826,64	448441,85			
		2367841,39	448456,14			
		2367830,02	448472,51			
18	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Nậm Lầu	2362903,53	470803,76	517	1.070,61	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở 300m. Thuộc quyền sử dụng của Hộ gia đình ông Lò Văn Xiển.
		2362883,57	470798,45			
		2362887,09	470777,52			
		2362902,86	470773,71			
		2362907,11	470782,36			
19	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chiềng Ngảm	2378553,88	475033,15	3.184	4.296,48	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở 1,8km, Đất thuộc quản lý của UBND xã
		2378567,43	474941,65			
		2378600,32	474946,52			
		2378594,29	475012,2			
		2378581,76	475037,64			

VI		Huyện Quỳnh Nai				
20	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Cà Nàng	2426733,62	453514,2	1.774	4.316,34	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở trên 300m. Đất thuộc quản lý của UBND xã
		2426680,08	453535,54			
		2426672,05	453501,66			
		2426727,58	453487,87			
21	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Mường Chiên	2417512.30	456836.24	3.147	3.286	Bãi thải thuộc quản lý của cộng đồng bản Bon.
22	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Mường Sại	2390483,34	467302,06	886	3.000	Bãi thải nằm giáp vị trí xây dựng trụ sở, do UBND xã quản lý
VII		Huyện Bắc Yên				
23	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Háng Đồng	2355893,16	551767,27	2.371	5.937,54	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở khoảng 300m, hiện trạng là đất để trồng của UBND xã.
		2355927,31	551736,56			
		2355956,57	551742,46			
		2355956,13	551769,86			
		2355925,73	551799,04			
24	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Xím Vàng	2359185,85	539171,80	1.354	3.672,56	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở khoảng 300m. Thuộc sử dụng của gia đình bà Hạng Thị Súa.
		2359169,02	539157,16			
		2359184,31	539112,93			
		2359214,54	539138,51			
25	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Hang Chú	2363187,89	533555,39	1.330	1.834,84	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở khoảng 50m, thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Cẩm Ngọc Hiếu.
		2363206,32	533506,11			
		2363228,88	533548,48			
		2363203,24	533570,22			
26	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Chim Vàn	2351090,5	30265,89	1.917	6.984,2	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở khoảng 1.3km, thuộc quyền sử dụng của Hộ gia đình Ông Đình Văn Mung
		2351074,01	30275,89			
		2351066,13	30265,89			
		2351068,4	30203,46			
		2351092,39	30203,46			
		2351096,6	30242,03			
VIII		Huyện Phù Yên				
27	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Huy Tân	2350599.578	569163.220	150	750	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở khoảng 2,3km, thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Lương Xuân Học

28	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Sập Xa	2340296,72	553814,76	847	1.299,78	Bãi thải nằm ở đối diện vị trí xây dựng trụ sở, cách khoảng 50m, thuộc quyền quản lý của UBND xã.
		2340292,75	553818,96			
		2340278,76	553817,91			
		2340274,84	553780,44			
		2340307,16	553787,83			
29	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Đá Đỏ	2331490,69	556310,43	1.277	2.772,9	Bãi thải nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã
		2331487,60	556310,15			
		2331448,12	556299,28			
		2331436,31	556294,83			
		2331429,18	556290,63			
		2331429,18	556287,84			
		2331473,28	556272,36			
IX	Huyện Mường La					
30	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Mường Bú	2368770.234	500947.429	940	2.000	Bãi thải cách vị trí xây dựng trụ sở khoảng 300m, thuộc quyền quản lý của UBND xã.
X	Huyện Sốp Cộp					
31	Bãi thải tại trụ sở Công an xã Púng Bính	2320123,10	451410,60	518	502,73	Bãi đổ thải cách khu đất xây dựng khoảng 500 m. Đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Vi Văn Thỏa.
		2320109,29	451408,35			
		2320105,63	451406,64			
		2320113,39	451381,73			
		2320130,36	451387,28			
		2320131,97	451392,82			
		2320131,06	451399,30			

- Phương án đổ thải:

+ Đổ thải theo phương pháp lần dần từ trong ra ngoài mép đường hoặc từ ngoài vào trong, đổ theo lớp và góc dốc mái taluy hệ số dốc mái là 1,5 (*bờ nghiêng nhỏ hơn 45 độ*) tùy theo từng địa hình của bãi đổ thải, trình tự đổ thải chia làm các lớp: mỗi lớp đổ cao 3m sau đó lu đầm nền thật chặt, lớp sau giạt lùi so với mép ngoài lớp trước là 2m, tiếp tục lu nền chặt đến khi thành mặt bằng, gia cố phương pháp phù hợp với từng bãi thải. Tại các bãi thải là đất nông nghiệp, đất vườn của các hộ dân sau khi đổ đất đá, đến gần tầng mặt (*cách 2-3m*) đổ lớp đất màu để dân canh tác.

+ San gạt tạo mặt bằng trong quá trình đổ thải, đảm bảo thoát nước mặt: Sau khi hoàn thành việc đổ thải, các bãi thải sẽ hình thành mặt bằng có cos thấp hơn mặt đường hiện trạng, đảm bảo thoát nước mặt.

+ Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải, trồng cỏ, cây xanh.... Các biện pháp này là để chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh.

+ Các công việc cơ bản nêu trên phải được thực hiện thường xuyên trong suốt thời gian thi công công trình cho đến khi kết thúc giai đoạn thi công công trình và đi vào vận hành, các biện pháp sẽ được thực hiện trước các mùa mưa hàng năm.

- Biện pháp hoàn nguyên bãi thải:

+ Giám sát đơn vị thi công xử lý các bãi thải và trả lại mặt bằng khu vực đổ thải.

+ Khi kết thúc đổ thải sẽ tiến hành san gạt, lu nền để đảm bảo lớp đất, đá thải được đầm chặt đảm bảo độ ổn định của một bãi thải đất, đá. Tại các bãi thải là đất cây lâu năm, đất vườn sẽ thực hiện đổ đất màu phủ lên để trồng cây: Bãi thải các xã Nà Nghịu, Chiềng Phung, Chiềng Cang, Chiềng Đông, Yên Sơn, Sấp Vạt, Chiềng Xuân, Mường Bám, Long Hẹ, Nậm Lầu, Mường Chiên, Xím Vàng, Hang Chú, Chim Vàn, Huy Tân, Đá Đỏ, Púng Bính.

+ Đào các rãnh thoát nước phù hợp với địa hình các bãi thải.

b) Giai đoạn hoạt động đối với chất thải sinh hoạt: Tại mỗi trụ sở bố trí các thùng rác nhỏ loại 3lít tại các phòng làm việc, phòng ở. Bố trí 03 thùng rác có dung tích 60 lít có nắp đậy đặt tại vị trí phù hợp trong khuôn viên để thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt của trụ sở. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

- Bố trí tại mỗi công trình trụ sở 01 kho chứa chất thải nguy hại tại khu phụ trợ, mỗi kho rộng $4m^2$ (nền bằng gạch vữa thông thường). Kho được thiết kế kiểu kho kín, có mái che và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư, khu lán trại; bố trí biển cảnh báo cháy cách khu vực lưu chứa 20m và tại khu vực lưu chứa.

- Trong mỗi kho chất thải nguy hại bố trí 02 thùng chứa 60 lít chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ, phân loại chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/BTNMT.

b) Giai đoạn hoạt động

Trong quá trình vận hành phát sinh chất thải nguy hại như: Thu gom vào các thùng kín, có nhãn dán cảnh báo lưu giữ tại khu vực đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý tùy theo khối lượng phát sinh.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn xây dựng

- Không thi công và lắp đặt vào giờ nghỉ trưa để giảm thiểu tối đa các tác động, nhất là tiếng ồn đối với các hoạt động sinh hoạt thường ngày của các hộ xung quanh khu vực.

- Không sử dụng cùng lúc trên công trường nhiều loại máy móc, thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn vào cùng một thời điểm để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Mỗi máy đều có chế độ kỹ thuật cụ thể: thời gian hoạt động, thời gian kiểm tra, thời gian nghỉ bắt buộc, chế độ và loại nguyên liệu, dầu mỡ, chế độ trực ca, giao nhận ca. Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Quy định hạn chế tốc độ 10km/h đối với các phương tiện tham gia giao thông trong khu vực.

- Xung quanh khu vực thực hiện dự án được trồng cây xanh để hạn chế lan truyền tiếng ồn. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn hoạt động: Không có các hoạt động phát sinh tiếng ồn.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Công nhân làm việc trên công trường phải được trang bị quần áo bảo hộ lao động, ủng, nón bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang và được tập huấn về an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng.

- Nhanh chóng đưa các nạn nhân đến các trạm xá để sơ cứu, sau đó đưa đến các bệnh viện để cứu chữa.

b) Phòng ngừa các sự cố do điều kiện khí hậu

- Theo dõi thường xuyên thông tin dự báo thời tiết và thông báo đến từng cán bộ công nhân, nhân viên.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

- Khi có bão gió, mưa lũ về có phương án che đậy, chằng chống các bãi vật liệu, máy móc, phân công người ứng trực để kịp thời thông tin cho người quản lý để xử lý sự cố.

c) Ứng phó tai nạn giao thông

- Bố trí kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc hợp lý tránh vào mùa mưa. Các phương tiện tham gia đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật và có chứng nhận đăng kiểm của cơ quan đăng kiểm.

- Tại các nút giao thông đầu nối từ dự án với các tuyến đường giao thông có các biển cảnh báo, biển hướng dẫn, biển báo nguy hiểm... vạch sơn kẻ đường, phân luồng giao thông,...

- Yêu cầu tất cả lái xe đảm bảo tuân thủ đúng Luật Giao thông đường bộ: Không chạy quá tốc độ, quá trọng tải. Các xe, máy tham gia dự án phải được cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

d) Các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các công tác phòng chống cháy nổ; thường xuyên nhắc nhở công nhân phải tuân thủ nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy chữa cháy.

- Các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ phải cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

- Ban hành nội quy cấm công nhân không được hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể gây cháy và hướng dẫn sử dụng cụ thể đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện; hệ thống điện phải được lắp đặt các role chống sự cố để hạn chế chạm điện, tránh những tình huống xấu do sự cố về điện gây ra.

- Lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (*thùng chứa xăng dầu, hóa chất, kho vật tư dễ cháy nổ, ...*).

- Trang bị phương tiện chữa cháy, bình CO₂, cát, xẻng tại những vị trí thuận tiện, dễ thấy và dễ lấy khi cần thiết sử dụng và thiết bị bảo hộ lao động, giáo dục công nhân, thực hiện các biển báo, nội quy lao động.

đ) Phòng ngừa sự cố sụt lún đất, sụt lún các công trình

- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về lĩnh vực xây dựng trong quá trình thiết kế và triển khai thi công. Quá trình thi công cần bố trí hệ thống hệ thống thoát nước hợp lý nhằm đảm bảo thoát nước mặt tốt cho công trình khi vào mùa mưa lũ.

- Tăng cường giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công các công trình, hạng mục theo đúng thiết kế đã được phê duyệt. Đặc biệt giám sát công trường trong quá trình khoan, đổ bê tông móng, theo dõi sụt lún, đảm bảo an toàn trong quá trình thi công dự án.

- Sử dụng máy móc, thiết bị phù hợp để thi công tránh gây sạt trượt mái kè hoặc mất an toàn trong khi thi công. Trường hợp phát hiện hiện tượng nứt vỡ kè, nền móng cần báo ngay cho chủ dự án để có biện pháp xử lý kịp thời.

e) Giảm thiểu sự cố sạt trượt khu vực bãi thải.

- Không đổ thải vượt dung tích chứa của bãi thải.

- Đổ thải đúng trình tự thiết kế từ dưới lên tạo thành mặt bằng và nâng độ cao dần. Tiến hành san ủi khu vực đổ thải và ổn định các mái dốc hình thành trong quá trình đổ thải.

- Tạo mương thoát nước hoặc hố bẫy bùn xung quanh vị trí đổ thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố thì dừng hoạt động đổ thải, khắc phục sự cố bằng cách xúc toàn bộ lượng đất, đá thải bị sạt lở đổ thải tại bãi thải còn lại hoặc bãi trữ tạm, tiến hành gia cố bãi thải.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Không tập kết quá nhiều phương tiện máy móc thi công trên đường hiện hữu; phân luồng giao thông để tránh ùn tắc giao thông trong khu vực. Thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu nối đường giao thông theo đúng quy định. Xây dựng làn chờ giao thông theo đúng quy định khu vực đầu nối với đường tỉnh lộ. Khi đi vào vận hành: Lắp đặt các biển cảnh báo, chỉ dẫn phù hợp trong khu vực trụ sở.

- Tuyên truyền, vận động người dân sống trong khu đô thị nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng.

- Lập tổ bảo vệ để kịp thời phát hiện, xử lý hành động gây rối, thiếu ý thức của cư dân và đội vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh thảm cỏ khuôn viên dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn xây dựng.

+ Nội dung giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý chất thải rắn xây dựng; giám sát việc vận chuyển đất đá thải trong quá trình xây dựng; giám sát việc gia cố bãi thải, hiện tượng trượt sạt bãi thải, việc hoàn trả bãi thải sau khi kết thúc xây dựng.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng công trình, khu vực bãi thải.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian thi công.

+ Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt.

+ Nội dung giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các

quy định pháp luật khác có liên quan.

- + Vị trí giám sát: Tại khu tập kết, lưu giữ chất thải sinh hoạt.
- + Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian thi công.
- + Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Giám sát Chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH.

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian thi công.

+ Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Giám sát quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

- Nội dung giám sát: Giám sát về số lượng phương tiện vận chuyển, khối lượng vận chuyển, tình hình rơi vãi nguyên, nhiên, vật liệu.

- Tần suất: Liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

d) Giám sát sạt lở, sụt lún công trình

- Nội dung giám sát: Theo dõi các vị trí có nguy cơ sạt lở; mức độ sạt lở, sụt lún của công trình, khối lượng sạt lở, trượt lở; thời gian thường xảy ra hiện tượng sạt lở.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng công trình.

- Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

5.2. Giai đoạn hoạt động

a) Giám sát chất thải sinh hoạt

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: 2 lần/năm.

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Giao UBND các huyện: Sông Mã, Yên Châu, Vân Hồ, Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Bắc Yên, Phù Yên, Mường La, Sốp Cộp

Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp với UBND xã nơi có công trình xây dựng trụ sở công an xã thực hiện công tác giám sát môi trường đối dự án theo đúng quy định. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

6.2. Công an tỉnh Sơn La có trách nhiệm

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Dự án chỉ được phép triển khai thực hiện sau khi đã hoàn thiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường. Trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu đồng thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) và chịu trách nhiệm bồi thường, hoàn trả và thống kê bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng phương án điều tiết giao thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án, tuyến đường vận chuyển và khu vực đổ thải về thời gian và địa bàn thi công; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Chịu trách nhiệm về khối lượng đất, đá thải của dự án. Đồng thời tính toán, thiết kế chi tiết phương án đổ thải, kè chắn bãi thải đảm bảo không ảnh hưởng đến cao độ hiện trạng của đường giao thông, các vấn đề an toàn vận hành hệ thống điện liên quan; phương án thoát nước mặt và khả năng tiêu thoát lũ của khu vực. Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn đảm bảo có độ dốc ổn định, có bờ bao quanh các bãi thải, chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh. Không được tự ý làm thay đổi mục đích sử dụng đất khu vực bãi thải khi chưa có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành, báo

cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp gây ô nhiễm môi trường và gây ra sự cố môi trường chủ dự án phải thống kê và bồi thường thiệt hại theo quy định./.